

Số: 67 /2007/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 9 năm 2007



QUYẾT ĐỊNH:

**Ban hành Đề án xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2007-2010.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/6/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Căn cứ Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 1336/2005/QĐ-UBND ngày 30/6/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao phê duyệt Đề án Phát triển xã hội hoá thể dục thể thao đến năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 02/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-UBND ngày 09/01/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2007/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án xã hội hoá hoạt động thể thao giai đoạn 2007-2010 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Thể dục thể thao tại Tờ trình số 360/TTr-STDTT ngày 23 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Đề án xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao giai đoạn 2007-2010” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Giám đốc sở Thể dục Thể thao có trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động cụ thể, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Đề án đạt kết quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố trong tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ VH-TT-DL;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTrTU; TTrHĐND (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể;
- Như điều 4;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT-TH.

V2QDXHHTDĐT

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Võ Thành Kỳ

ĐỀ ÁN
XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 2007- 2010
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /2007/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

MỞ ĐẦU

Xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao là một quá trình có mối liên hệ bản chất cộng hưởng với các lĩnh vực xã hội khác, nơi đó, con người hình thành hoạt động thể chất theo những chuẩn mực, mô hình văn hóa thể lực đã được lựa chọn. Bằng những giải pháp quan trọng để tăng trưởng nguồn lực con người về thể chất, bao gồm cả thể lực, trí tuệ và ý chí, xã hội hoá là một chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy trách nhiệm của toàn xã hội trong việc chăm lo cho con người, cho cộng đồng.

Cùng với các địa phương trên cả nước, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao theo định hướng các Nghị quyết của Đảng là:

“Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích nhân dân và các tổ chức tham gia thiết thực, có hiệu quả các hoạt động văn hóa – thể thao”

Tuy nhiên, hầu hết các hoạt động của ngành thể dục thể thao trong thời gian qua đều sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước. Việc khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia vào tổ chức hoạt động thể dục thể thao với nhiều hình thức và quy mô khác nhau còn rất hạn chế, chưa tương xứng với điều kiện và tiềm năng kinh tế của địa phương.

Vì vậy, việc xây dựng Đề án xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2007- 2010 là sự cần thiết khách quan, đóng góp với yêu cầu thực tiễn trong việc huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển thể dục thể thao bền vững.

Phần thứ I
THỰC TRẠNG VỀ XÃ HỘI HÓA THỂ DỤC THỂ THAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU.

I . Tình hình nhận thức về xã hội hóa thể dục thể thao thông qua quá trình vận động.

Quán triệt Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 23/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển TDTT đến năm 2010 và Nghị định số 73/NĐ – CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành chỉ thị số 22-CT/TW (ngày 6/6/2003) về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ năm 2003 đến năm 2010; UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra quyết định số 6057/QĐ-UB thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động xã hội hóa thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, nhiều tổ chức kinh tế – xã hội và tư nhân đã nắm được chủ trương, chính sách khuyến khích xã hội hóa thể dục thể thao.

Với nhận thức ban đầu đơn giản là nhà nước ưu tiên giao đất, hỗ trợ vốn, miễn giảm thuế cho công trình thể dục thể thao, nhiều tổ chức, cá nhân đã đầu tư xây dựng cơ sở để hoạt động dịch vụ thể dục thể thao. Sau một thời gian dài giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành, chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao đã được nhận thức đầy đủ hơn. Nhiều địa phương trong tỉnh đã vận động hình thành các tổ chức xã hội về thể dục thể thao để mở rộng hoạt động phong trào. Các cơ sở hoạt động dịch vụ thể dục thể thao đã thực hiện đúng các quy định theo Thông tư 04 của Ủy ban Thể dục Thể thao về cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập, Thông tư 18 của Bộ Tài chính về việc miễn giảm thuế theo Nghị định 73/CP. Nhiều đơn vị kinh tế đã phối hợp với ngành thể dục thể thao để vừa tài trợ, vừa tham gia tổ chức các giải thi đấu thể thao ở nhiều quy mô khác nhau.

Có thể đánh giá chung rằng, tình hình nhận thức về xã hội hóa thể dục thể thao trong ngành và trong xã hội đã từng bước được nâng cao: từ chỗ hiểu xã hội hóa đơn thuần là sự huy động đóng góp kinh phí cho thể dục thể thao, chỉ phù hợp với nơi kinh tế – xã hội phát triển, đời sống nhân dân cao..., đến việc nhận thức đúng đắn hơn về một quan điểm, một chủ trương có tính chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước, đã góp phần thúc đẩy nhanh hơn công tác xã hội hóa thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

II . Một số kết quả đạt được.

1 . Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho tập luyện thể dục thể thao.

Nghị định 73/CP đã có ảnh hưởng tích cực đến quy mô phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật cho thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Rất nhiều đơn vị, tổ chức xã hội và tư nhân đã trích quỹ đất và đầu tư vốn xây dựng công trình thể dục thể thao, trong đó có những công trình có vốn đầu tư hàng tỷ đồng (*chưa tính giá trị đất*) như : Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Phước Tỉnh, Nhà Văn hóa – Thể thao của Xí nghiệp VIETSO Petro, các hồ bơi tư nhân (*Thu Hương ở Bà Rịa, Phan Nguyễn ở Long Điền, Ba Trung ở Tân Thành...*), cụm sân Tennis mái che của Công ty cổ phần thể thao OSC, nhà thi đấu 27/3 ở Vũng Tàu...

Đặc biệt có những mô hình liên kết giữa Nhà nước và tư nhân như Trung tâm Văn hóa- Thể thao tại xã Phước Tỉnh do Công ty TNHH Kim Tơ bỏ vốn đầu tư các công trình thể dục thể thao trên đất nhà nước quản lý, hoạt động rất có hiệu quả, làm cơ sở tập hợp và phát triển phong trào chung của xã. Hiện nay, Công ty Kim Tơ đang lập dự án xin giao đất để đầu tư tiếp tục trên 2,7 tỷ đồng tại khu vực này. Cũng có thể đề cập đến phương thức mới trong xã hội hóa thể dục thể thao như UBND xã Hòa Long (Bà Rịa) đã vận động để đổi đất ruộng lấy đất chuyên dùng xây dựng được một sân thể thao; vận động tài trợ trên 750 triệu đồng xây nhà thi đấu, sân bóng chuyên và 2 phòng tập thể hình trong khu Văn hoá-Thể thao của xã.

Trước năm 2000 (*thời điểm chưa có Nghị định 73/CP*), tổng số công trình thể dục thể thao các loại là 278 cơ sở (*ngoài công lập là 112*). Sau 5 năm triển khai Nghị định 73/CP, con số trên đã tăng thêm 285, nâng tổng số công trình thể dục thể thao hiện có trên địa bàn tỉnh là 563 cơ sở lớn nhỏ các loại, trong đó, ngoài công lập có 229 cơ sở, tăng thêm 117, tỷ lệ tăng 102%, vượt hơn giai đoạn 20 năm trước đó.

(*Biểu thống kê trong Phụ lục 2*)

2 . Tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội về thể dục thể thao phát triển và mở rộng hoạt động.

Kinh tế phát triển, tình hình chính trị xã hội của đất nước ổn định là nhân tố tiền đề và là điều kiện cơ bản để phát triển các loại hình hoạt động thể dục thể thao. Trong bối cảnh thuận lợi đó, chính sách đúng đắn về xã hội hóa thể dục thể thao đã tạo ra môi trường thích ứng để nở rộ các loại hình tập luyện thể dục thể thao từ cơ sở, huyện, thị, đến phong trào toàn tỉnh.

Nhiều câu lạc bộ của các tổ chức và tư nhân được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Các hình thức tổ chức cũng rất đa dạng, phong phú phù

hợp với đặc thù địa bàn và điều kiện hoạt động sản xuất của cơ quan đơn vị.

Ở các địa bàn cơ sở phổ biến nhất là mô hình tổ chức câu lạc bộ của các hoạt động thể dục dưỡng sinh, võ thuật, cờ, sức khỏe ngoài trời, thể dục thẩm mỹ, TDTH, bi sắt... Bên cạnh đó, qua việc liên kết với các đơn vị kinh tế trên khu vực, loại hình câu lạc bộ từng môn như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, quần vợt, billiards,... cũng phát triển mạnh ở nhiều khu vực. Với mục tiêu nâng cao sức khỏe cho người luyện tập, hoạt động của loại hình này đã có những tác động tích cực cho phong trào thể dục thể thao tại địa phương. Ngoài ra, chính sách xã hội hóa thể dục thể thao đã là cơ sở để phục hồi các môn thể thao đặc trưng nhân văn địa bàn như đua thuyền, đua thúng ở khu vực giáp biển, các môn thể thao dân tộc ở Châu Đức, Xuyên Mộc...

Số liệu so sánh cho thấy:

- Trước năm 2000, số tổ chức xã hội về thể dục thể thao là 65 đơn vị các loại.
- Từ năm 2000 (thời điểm thực hiện Nghị định 73/CP) đến nay tổng số các Hội, Đội, Câu lạc bộ Thể dục thể thao đã là 189 tổ chức, tăng 124, tỷ lệ tăng 190,7% so với trước năm 2000.

(Biểu thống kê trong Phụ lục 3)

3 . Đa dạng hóa các loại hình luyện tập, góp phần đáp ứng nhu cầu tập luyện ngày càng tăng của nhân dân.

Đây là hệ quả tổng hợp tiêu biểu nhất từ sự cộng hưởng giữa kết quả đẩy mạnh các mô hình tổ chức xã hội thể dục thể thao với việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành thông qua hoạt động xã hội hóa thể dục thể thao.

Khi nhiều tổ chức thể dục thể thao được hình thành cộng với cơ sở vật chất được tăng lên, người dân đã có điều kiện mở rộng và chọn lựa những loại hình luyện tập thích hợp (điểm tập, CLB, sân bãi của cơ quan đơn vị, tụ điểm sinh hoạt công cộng...), để duy trì liên tục và thường xuyên nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của từng người cũng như của mỗi gia đình. Điều đó khẳng định kết quả xã hội hóa thể dục thể thao đã liên tục đưa tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên từ dưới 12% trước năm 2000, đã đạt 18,5% năm 2005; số hộ gia đình thể thao năm 1999 đạt 9%, đến năm 2005 đã đạt 13%. Hệ số tăng đều đặn cho mỗi năm trên dưới 1%.

4 . Làm phong phú thêm các điều kiện thuận lợi để phối hợp tổ chức thi đấu, góp phần bổ sung nguồn nhân lực tài năng thể dục thể thao của địa phương.

Thông qua xã hội hóa, những năm gần đây, số giải thể thao quần chúng do các tổ chức, cá nhân ngoài ngành thể dục thể thao tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đã tăng lên rất nhiều. Không kể các giải liên tịch theo kế hoạch, hàng năm, nhiều đơn vị kinh tế và cộng đồng dân cư tự đứng ra tổ chức hội thao hoặc các giải thi đấu thể thao...như các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, các giải bóng đá liên thôn, liên khu phố ở Xuyên Mộc, Bà Rịa, giải bóng chuyền, Tennis các câu lạc bộ ở Long Điền, Bà Rịa, Tân Thành...hoặc tầm cỡ hơn là hội thao của Xí nghiệp liên doanh dầu khí, điện lực, cấp nước...không chỉ là một minh họa rõ nét cho kết quả của công tác xã hội hóa, mà còn là nguồn đóng góp vận động viên cho các đội tuyển thể thao của tỉnh tham dự thi đấu các giải toàn quốc và quốc tế. Thể thao thành tích cao của tỉnh từ 86 huy chương các loại năm 1999, đã đạt tới 235 huy chương năm 2005 (9 huy chương quốc tế, 172 huy chương quốc gia, 54 huy chương khu vực), trong đó có sự đóng góp đáng kể của các câu lạc bộ được hình thành từ chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao.

(Bảng thống kê trong Phụ lục 4)

5. Về hiệu quả kinh tế-xã hội :

Nếu như các đơn vị trong công lập hoạt động chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch của ngành, thì các cơ sở TĐTT ngoài công lập phát triển, đã có tác động khá rõ nét đến lợi ích kinh tế-xã hội. Nhiều công trình được xây dựng từ vốn dân doanh, đã tạo điều kiện để ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào những khu vực khó khăn, vùng còn “trũng” về hoạt động phong trào; đồng thời, trên cơ sở các công trình này, nhiều hoạt động thi đấu thể thao được các đơn vị doanh nghiệp tự tổ chức, đã góp phần giảm chi phí từ vốn ngân sách để ngành thể dục thể thao triển khai bổ sung cho các khu vực khác.

Bên cạnh đó, một tác động định tính rõ nét hơn, đó chính là hiệu quả xã hội do việc thực hiện chủ trương xã hội hoá thể dục thể thao đã tạo ra. Các tổ chức và cơ sở ngoài công lập đã mở ra sân chơi lành mạnh, thu hút nhiều thanh thiếu niên tham gia tập luyện, vừa thúc đẩy phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, vừa làm giảm bớt điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội. Nhiều công trình được xây dựng cũng tạo thêm công ăn việc làm cho một số lao động gia đình và trong cộng đồng dân cư.

Ngoài ra, về hoạt động tài trợ trong xã hội hoá, chỉ tính 03 năm gần đây, các đơn vị kinh tế đã phối hợp hỗ trợ cho các giải thi đấu thể thao bằng

hiện vật, chi phí cơ sở vật chất (*sân bãi, phòng ngủ...*), giải thưởng... quy ra tiền mặt có giá trị từ 300 triệu đến 600 triệu/năm.

III . Đánh giá chung.

1 . Những mặt làm được và nguyên nhân:

- Chủ trương xã hội hóa đã có tác động tích cực đến sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau 5 năm thực hiện Nghị định 73, các loại hình hoạt động thể dục thể thao đã được đa dạng hóa và mở rộng về quy mô, góp phần cải thiện đời sống văn hóa, tăng cường bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

- Bước đầu đã khai thác được tiềm năng của các thành phần kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, các ngành, các tổ chức xã hội...vào việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho thể dục thể thao như: sân bãi, phòng tập, nhà tập, hồ bơi, sản xuất lưu thông hàng hóa thể thao...phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu của quần chúng.

- Mở rộng và làm phong phú thêm hệ thống thi đấu thể dục thể thao quần chúng từ cơ sở tới cấp tỉnh, kích thích và thu hút được đông đảo các đối tượng tham gia tập luyện và thi đấu thể thao.

- Góp phần tăng cường chất lượng thi đấu và thành tích thể thao của các đội tuyển; tạo nguồn phát hiện và bổ sung tài năng thể thao của tỉnh.

*** Nguyên nhân:**

+ Lãnh đạo tỉnh, cấp ủy và chính quyền các cấp trong tỉnh đã có sự chỉ đạo sát sao để Nghị định 73/CP được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao đã được xã hội, nhân dân đón nhận và tích cực hưởng ứng vì đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của quần chúng.

+ Quá trình triển khai thực hiện, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành – giới và nhân dân về xã hội hóa thể dục thể thao ngày càng được nâng lên.

+ Các cơ chế chính sách đã ban hành về xã hội hóa thể dục thể thao tuy còn chậm và chưa đồng bộ, song đã là điểm xuất phát ban đầu để thúc đẩy quá trình xã hội hóa thể dục thể thao.

2 . Những mặt hạn chế và nguyên nhân:

- Tiến độ xã hội hóa còn chậm so với tiềm năng và điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của quần chúng nhân dân.

- Mức độ và quy mô phát triển xã hội hóa giữa khu vực đô thị và vùng nông thôn còn có độ chênh lệch cao, vẫn chủ yếu tập trung ở thành thị. Sự hình thành một số các cơ sở sân bãi ở cộng đồng dân cư nông thôn không ổn định, dễ thay đổi mục đích sử dụng khi phát sinh nhu cầu khác.

- Việc đa dạng hóa các tổ chức xã hội về thể dục thể thao hầu như chỉ phát triển ở cấp cơ sở. Các Liên đoàn, Hội, Đội thể thao cấp huyện và tỉnh chưa được mở rộng. Ở cấp tỉnh, hiện mới chỉ thành lập được Hội Taekwondo, Đội Môn thể thao, Hội Golf. Đang tiến hành củng cố Hội Cờ, chuẩn bị các bước để thành lập Hội Vovinam. Thành phố Vũng Tàu có Hội Dưỡng sinh và Hội Bơi lội.

Bên cạnh đó, vai trò của các Hội, Đội chưa được phát huy đúng mức còn hạn chế nhiều về khả năng vận động tài trợ, vẫn chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí hạn hẹp của ngân sách nhà nước phân bổ cho ngành thể dục thể thao.

- Công tác vận động tài trợ cho các hoạt động TDTT còn rất yếu, chưa khai thác được tiềm năng, tiềm lực rất dồi dào phong phú ngoài xã hội để tăng cường thêm các nguồn lực mở rộng và phát triển ngành.

*** Nguyên nhân:**

+ Xã hội hóa là vấn đề còn mới mẻ, nhận thức của xã hội còn chưa đầy đủ, nhưng công tác tuyên truyền chưa thật sâu rộng; đặc biệt là là phổ biến các chính sách liên quan như Thông tư 18 về thuế, Thông tư 04 và 30 về hoạt động thể dục thể thao ngoài công lập... chưa đến được hết với các cơ sở là đối tượng thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao.

+ Sự phối hợp giữa các ngành có liên quan chưa đồng bộ và thiếu thống nhất; chưa có một cơ chế hoàn chỉnh để vận hành chung trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Những mô hình tiêu biểu trong thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao chưa được động viên biểu dương và nhân điển hình kịp thời. Việc sơ kết đánh giá kết quả thực hiện mới chỉ dừng lại qua thống kê số liệu trong báo cáo tổng kết ngành cuối năm.

+ Bản thân các hoạt động của ngành TDTT chưa thực sự hấp dẫn cả về hình thức lẫn nội dung, chưa tạo được sức thu hút cá nhân và tổ chức tham gia tài trợ kết hợp với quảng cáo.

+ Các bộ, ngành trung ương còn thiếu những văn bản hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện như cơ chế giao thuê đất, miễn giảm thuế, cấp phép xây dựng, đăng ký chuyên môn cho cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập, chế độ bảo hiểm, chính sách hỗ trợ vốn đầu tư, quy định cụ thể về tính chất phi lợi nhuận và kinh doanh của các cơ sở ngoài công lập...

Phần thứ II
NỘI DUNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA THỂ DỤC THỂ THAO
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐẾN NĂM 2010

I. Định hướng và mục tiêu phát triển.

1. Định hướng phát triển.

Xã hội hóa thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cần phải được đẩy mạnh theo các định hướng sau:

- Phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Tạo điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được thụ hưởng thể dục thể thao ở mức độ ngày càng cao.

- Ngành Thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách; tăng nguồn lực đầu tư, đồng thời đổi mới mục tiêu, phương thức, cơ cấu và nguồn vốn đầu tư, tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, hỗ trợ các vùng sâu – vùng xa, ưu đãi các đối tượng chính sách và trợ giúp người nghèo trên cơ sở đổi mới chế độ miễn – giảm phí theo hướng công khai, hợp lý và cấp trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

- Chuyển các cơ sở công lập đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ cung ứng dịch vụ công ích, không bao cấp tràn lan và không nhằm lợi nhuận (*gọi tắt là cơ chế cung ứng dịch vụ*); có đầy đủ quyền tự chủ về tổ chức và quản lý; thực hiện đúng mục tiêu và nhiệm vụ; hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu-chi...; thường xuyên nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ, sản phẩm; đảm bảo quyền lợi và cơ hội tiếp cận bình đẳng của người thụ hưởng.

- Đổi mới chế độ thu phí đi đôi với việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi các đối tượng chính sách. Mức thu phí quy định theo nguyên tắc đủ trang trải các chi phí cần thiết, có tích lũy để đầu tư phát triển và xóa bỏ mọi khoản thu khác. Người thụ hưởng có quyền lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ phù hợp với từng lĩnh vực.

- Phát triển mạnh các cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập, tư nhân với hai loại hình: dân lập và tư nhân.

- Tiến hành các bước chuẩn bị để sau 2010, chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập để tập thể hoặc cá nhân quản lý và hoàn trả vốn cho Nhà nước.

- Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của từng lĩnh vực. Các nhà đầu tư được đảm bảo lợi ích hợp pháp về vật chất và tinh thần.

2. Mục tiêu phát triển.

- Vận động và tổ chức để ngày càng có nhiều người trực tiếp tham gia tập luyện thể dục thể thao, đóng góp vào việc mở rộng các hoạt động thể dục thể thao nhằm tăng nhanh sự phát triển của thể dục thể thao, góp phần cải tạo nòi giống, tăng cường sức khỏe, thỏa mãn nhu cầu thưởng thức văn hóa thể chất và tinh thần, nhu cầu giao tiếp; làm cho thể dục thể thao trở thành hoạt động của mọi tầng lớp xã hội.

- Kết hợp với chương trình phát triển thể dục thể thao ở, phường, xã, thị trấn đến năm 2010, phấn đấu đến năm 2010, có đủ cơ sở luyện tập thể dục thể thao bảo đảm cho 25% dân số trong tỉnh tập luyện thường xuyên, trong đó, tích cực vận động để các đơn vị kinh tế đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình hiện đại, đủ tầm để đăng cai tổ chức các giải quốc gia và quốc tế.

- Hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao với nhiều hình thức, cơ chế đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Thực hiện một bước chuyên nghiệp hóa các môn thể thao đỉnh cao, đảm bảo có đội ngũ vận động viên nhiều môn đủ mạnh để đưa thể thao Bà Rịa – Vũng Tàu ngang tầm với những tỉnh, thành khác trên cả nước.

- Phát triển hệ thống các tổ chức xã hội về thể dục thể thao từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh. Kiện toàn và hoàn thiện tổ chức một số Liên đoàn, Hội thể thao của tỉnh đủ mạnh để đảm đương được nhiệm vụ theo đúng chức năng quy định trong sự quản lý thống nhất của nhà nước.

II. Phương hướng nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

1. Về thể dục thể thao quần chúng.

Trong lĩnh vực này, mục tiêu chung là khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển thể dục thể thao; tạo cơ hội cho mọi người, mọi lứa tuổi trong những hoàn cảnh kinh tế khác nhau được tập luyện để hướng tới một xã hội tập luyện thể dục thể thao lành mạnh.

Với định hướng đó, phát triển đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động phong trào, đa dạng hóa các loại hình tập luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng và từng đối tượng, thu hút rộng rãi sự tự nguyện tham gia tập luyện của quần chúng nhân dân.

Từng bước nghiên cứu cải tiến hệ thống thi đấu thể dục thể thao quần chúng từ cơ sở đến cấp tỉnh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, các tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế...đảm nhận công tác tổ chức, ngành thể dục thể thao hỗ trợ công tác nghiệp vụ chuyên môn. Hình thành có hệ thống và đa dạng hóa các hình thức thi đấu phong trào theo đối tượng, môn thể thao, lứa tuổi, quy mô...(như Hội thao khu công nghiệp, giải thể thao liên phường xã, giải câu lạc bộ quần vợt, giải thể thao người khuyết tật, hội khỏe các gia đình thể thao ...)

Khuyến khích các cộng đồng dân cư tự xây dựng các câu lạc bộ, đội thể thao theo phương thức “ nhà nước và nhân dân cùng làm “. Từ năm 2007, đưa tỷ lệ phát triển câu lạc bộ, cơ sở dịch vụ tập luyện theo chỉ số 10%/năm vào chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với các đơn vị huyện, thị, thành phố trong tỉnh.

Tiếp tục tăng cường công tác liên tịch với các ngành để đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa phong trào thể dục thể thao trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội. Đảm bảo duy trì 100% các trường học giảng dạy thể dục nội khóa theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục; phấn đấu 60% trường phổ thông có hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa. Đảm bảo 100% quân số trong lực lượng vũ trang tập luyện thường xuyên.

Tiếp tục duy trì việc mở lớp hướng dẫn viên, cộng tác viên, trọng tài thể dục thể thao cơ sở mỗi năm từ 2 lớp trở lên.

Đến năm 2010, đảm bảo đạt các chỉ tiêu:

- 25% tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên
- Số hộ gia đình thể thao đạt 15% tổng số hộ gia đình trong tỉnh
- 100% xã, phường, thị trấn có phong trào thể dục thể thao gắn với những điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu.
- 100% thôn ấp, khu phố có cộng tác viên thể dục thể thao được bồi dưỡng nghiệp vụ.

2 . Về thể thao thành tích cao:

Tăng cường các chính sách ưu đãi đối với tài năng thể thao của tỉnh. Có chế độ đãi ngộ động viên các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có công phát hiện và đào tạo vận động viên tham gia thi đấu thể thao đỉnh cao. Hoàn thiện hệ thống cơ chế tài chính đối với đội ngũ huấn luyện viên-vận động viên-trọng tài như chế độ tiền lương, tiền công, dinh dưỡng, tiền thưởng, học tập văn hóa, trong đó, thực hiện chế độ ưu đãi nhằm khuyến khích và thu hút nhân tài thể thao cho tỉnh.

Từng bước đổi mới phương thức tổ chức điều hành các hoạt động thi đấu và tham dự các giải thể thao đỉnh cao theo hướng chuyển dần cho các Hội, Câu lạc bộ đảm trách. Ngành thể dục thể thao chỉ hỗ trợ về mặt cơ chế, chính sách và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời phải tập trung vào việc quy hoạch mạng lưới đào tạo; xây dựng và quản lý kế hoạch đào tạo; giao kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo, chỉ tiêu chuyên môn cho các Liên đoàn, Hội, Câu lạc bộ thể thao khi có đủ điều kiện.

Tăng cường công tác vận động, tạo sự hấp dẫn qua tổ chức thi đấu để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước tài trợ các giải thể thao và đầu tư xây dựng các công trình có quy mô tổ chức giải thi đấu quốc gia, quốc tế. Phát triển mô hình doanh nghiệp tài trợ toàn bộ hoạt động cho các giải thể thao hàng năm như phương thức của Công ty Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với các giải bóng chuyền bãi biển.

Khuyến khích thành lập các quỹ tài trợ, quỹ bảo trợ tài năng thể thao, quỹ phát triển phong trào thể thao từng môn, câu lạc bộ cổ động viên theo quy định hiện hành của nhà nước.

Thí điểm chuyển giao công tác tổ chức :

- Giải Taekwondo các câu lạc bộ cho Hội Taekwondo.
- Giải Bóng chuyền bãi biển tỉnh mở rộng cho Công ty cổ phần Du lịch.
- Giải đua xe đạp cho Hội Môtô-Xe đạp.

Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức chỉ tiêu huy chương hàng năm.

3 . Đổi mới mô hình và phương thức hoạt động của các đơn vị thể dục thể thao công lập:

Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị theo chương trình tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về thể dục thể thao. Tiến hành rà soát chức năng nhiệm vụ của các cơ sở thể dục thể thao công lập để có kế hoạch chuyển đổi sang đơn vị hoạt động sự nghiệp có thu theo tinh thần Nghị quyết 05 của Chính phủ.

Thực hiện phân cấp quản lý và tạo cơ chế linh hoạt để mở rộng khả năng tự chủ theo hướng đa dạng hóa các loại hình hoạt động, tăng cường các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu bù chi, tự chủ về tài chính.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư ban đầu các cơ sở thể thao phục vụ luyện tập nâng cao sức khỏe tại các khu đô thị; sau đó, cơ sở hoạt động theo cơ chế dịch vụ. Đối với các vùng sâu, vùng xa và khu vực đặc biệt khó khăn, có cơ chế đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

Tận dụng và khai thác tối đa hiệu quả, công suất hoạt động của các công trình thể dục thể thao công lập theo các mô hình quản lý khác nhau như đơn vị dịch vụ công, cổ phần hóa hoặc giao khoán cho tư nhân quản lý.

Lĩnh vực đào tạo huấn luyện cũng cần được đa dạng hóa. Bên cạnh hình thức chính quy trong chương trình nguồn nhân lực của tỉnh do Trung tâm Thể dục thể thao chịu trách nhiệm, cần kết hợp và mở rộng các phương thức liên kết khác để tăng cường, bổ sung và nâng cao chất lượng đào tạo huấn luyện vận động viên thành tích cao của tỉnh.

Duy trì các đơn vị thể dục thể thao công lập đến 2010. Có kế hoạch chuẩn bị để xây dựng lộ trình chuyển sang các mô hình hoạt động ngoài công lập ở thời điểm thích hợp.

4 . Phát triển cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập

Trên cơ sở Nghị định số 53/2006/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý ngành, hoàn thiện hệ thống các quy định về thành lập, hoạt động, giải trí, cơ chế tài chính, xử lý vi phạm...đối với các cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập, trong đó, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng loại hình cơ sở theo quy chuẩn chung.

Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để khuyến khích phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập theo hai loại hình: dân lập và tư nhân. Hướng dẫn các cơ sở ngoài công lập xác định mục đích hoạt động lợi nhuận và phi lợi nhuận để thực hiện cơ chế tài chính đúng quy định.

Phân cấp quản lý rạch ròi, tách bạch từng cấp đối với các cơ sở ngoài công lập. Sau khi có văn bản quy phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Thể dục thể thao tham mưu cho chính quyền các cấp thực hiện chức năng quản lý hoạt động của các cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập, đảm bảo cho các cơ sở này hoạt động đúng pháp luật và không bị chệch hướng. Đối với một số lĩnh vực dịch vụ, cơ quan quản lý phải có quy định về giá trần dịch vụ, có chế độ kiểm tra, đảm bảo cho đại đa số nhân dân có điều kiện tiếp cận và hưởng thụ dịch vụ tập luyện thể dục thể thao.

Khuyến khích việc liên doanh liên kết giữa các đơn vị công lập và ngoài công lập trong tổ chức thi đấu, môi giới quảng cáo tài trợ, khai thác sử dụng cơ sở vật chất thể dục thể thao..., trong đó, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các cơ sở ngoài công lập tham gia các hoạt động thể dục thể thao phi lợi nhuận với mục đích phục vụ công chúng.

Phấn đấu đến năm 2010, các cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập (đúng quy chuẩn) chiếm 80% tổng số cơ sở (250/320) trong toàn tỉnh (hiện nay, tỷ lệ này là 40,6%).

5. Phát triển các tổ chức xã hội về thể dục thể thao

Trên cơ sở quy định chung của pháp luật, hoàn thiện quy trình thủ tục về thành lập, giải thể, sáp nhập, chuyển đổi, quản lý... đối với các tổ chức xã hội về thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Phân định rõ chức năng quản lý điều hành giữa bộ môn của quản lý nhà nước với hoạt động của tổ chức xã hội ở từng môn. Trên cơ sở đó, xác lập mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức xã hội về thể dục thể thao.

Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy các Hội, Đội thể thao đã được thành lập theo hướng tăng cường sử dụng những người có năng lực chuyên môn, uy tín công tác làm nòng cốt, giảm bớt sự tham gia của quan chức nhà nước vào Ban chấp hành các Hội, Đội. Khuyến khích thành lập câu lạc bộ từng môn thể thao trong các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư.

Chuyển giao từng bước các công việc về tổ chức thi đấu, quản lý hệ thống thi đấu từng môn cho các Liên đoàn, hiệp hội tự đảm đương thực hiện khi có đủ điều kiện, kể cả công tác tuyển chọn, đào tạo đội tuyển tham dự các giải thi đấu khu vực và toàn quốc.

Đến năm 2010, thành lập Hội Vovinam, Hội Quần vợt ở tỉnh; các Hội Dưỡng sinh ở cấp huyện.

Xúc tiến việc thành lập hiệp hội hoặc liên đoàn cấp tỉnh các môn thể thao theo điều kiện và khả năng phát triển của từng môn như võ thuật, cờ. Khuyến khích thành lập câu lạc bộ từng môn thể thao trong các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư.

6. Tổng hợp các chỉ tiêu sự nghiệp (phương án tối thiểu):

TT	Các chỉ tiêu	Năm	2005 (hiện trạng)	2010
I	TDTT cho mọi người			
1	Tỷ lệ người tập luyện TDTT thường xuyên (%)		18,5	25
2	Hộ gia đình thể thao		13	17
3	Câu lạc bộ TDTT		189	250
4	Tỷ lệ học sinh tập luyện (%)			
	- Nội khóa		100	100
	- Ngoại khóa			45
II	Thể thao thành tích cao			
1	Số lượng VĐV các cấp		267	551
2	Số lượng VĐV đạt đẳng cấp:			
	- Cấp I		45	53
	- Kiện tướng		25	37
3	Số lượng VĐV chuyên nghiệp		0	20
4	Số môn thể thao chuyên nghiệp		0	7
5	Số lượng CLB chuyên nghiệp		0	2
6	Số huy chương đạt được:			
	- Trong nước		180	210
	- Quốc tế		04	08

III . Các giải pháp chính để triển khai thực hiện.

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về xã hội hóa thể dục thể thao.

Quán triệt quan điểm chủ trương về xã hội hóa thể dục thể thao trong cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, cơ quan ban ngành để tạo sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

Ngành thể dục thể thao phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền và các cơ quan thông tin đại chúng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về chính sách khuyến khích xã hội hóa của nhà nước trong các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư để hình thành nhận thức đúng đắn, đầy đủ, khắc phục cách tiếp cận lệch lạc, phiến diện; nâng cao nhận thức và tạo ra sự đồng thuận xã hội trong việc hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

Phát động phong trào thi đua, biểu dương kịp thời, xây dựng và nhân rộng các điển hình xã hội hóa thể dục thể thao; lồng ghép với cuộc vận động “ Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại “ và phong trào “ Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa “, có các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá cụ thể.

2 . Thực hiện đầy đủ các cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xã hội hoá.

Trên cơ sở quy định pháp luật về chính sách xã hội hoá, ban hành các văn bản hướng dẫn để cụ thể hoá việc áp dụng các quy định về :

- Tiêu chuẩn, quy phạm công trình thể dục thể thao.
- Quy hoạch, sử dụng đất cho hoạt động thể dục thể thao đối với từng khu vực đặc thù.
- Thành lập, giải thể, chia tách, sáp nhập các cơ sở thể dục thể thao trong và ngoài công lập.
- Huy động vốn, khuyến khích đầu tư đối với cơ sở thể thao ngoài công lập theo danh mục do cơ quan thẩm quyền quy định.
- Ưu đãi khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các cơ sở thể thao trong và ngoài công lập.
- Các chính sách ưu đãi khác về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực ... theo quy định của pháp luật.

Thực hiện chính sách bình đẳng giữa khu vực công lập và ngoài công lập về thi đua khen thưởng, về đề xuất công nhận danh hiệu đẳng cấp

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong việc phân cấp, quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi giải quyết công việc của từng cấp.

- Thí điểm tiếp nhận, chuyển giao cán bộ từ khu vực công lập sang ngoài công lập và ngược lại. Chuyển dần từ “ biên chế “ trong các cơ sở công lập sang chế độ “ hợp đồng “ lao động dài hạn.

- Thí điểm thực hiện, tiến tới áp dụng cơ chế hợp đồng trách nhiệm, giao kế hoạch và khoán kinh phí hàng năm cho các tổ chức xã hội thực hiện nhiệm vụ phát triển từng môn thể thao.

- Quy định chặt chẽ nhưng rõ ràng, minh bạch và đảm bảo sự giản đơn, nhanh chóng, thuận tiện trong việc cấp phép, đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực dịch vụ thể dục thể thao.

- Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành, xây dựng tác phong năng động, gắn bó với phong trào cơ sở trong đội ngũ công chức, cán bộ quản lý thể dục thể thao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành để đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong thể dục thể thao; đồng thời, phát huy dân chủ ở cơ sở để giám sát công việc quản lý của các cấp.

- Công khai kế hoạch hoạt động, tài chính ngân sách trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

4. Đa dạng hóa nguồn đầu tư cho thể dục thể thao

Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc thù của ngành thể dục thể thao.

Các nhà đầu tư được đảm bảo lợi ích hợp pháp về vật chất và tinh thần.

Đầu tư nhà nước tập trung vào các lĩnh vực:

- Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của các công trình thể dục thể thao cấp tỉnh, hỗ trợ xây dựng tuyến cấp huyện.
- Đào tạo hệ thống vận động viên; tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao trọng điểm.
- Đầu tư cho chương trình phát triển thể dục thể thao ở phường, xã, thị trấn đến năm 2010 theo mục tiêu được phê duyệt.

Khuyến khích các cơ sở thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư hoạt động thể dục thể thao dưới nhiều hình thức trong khung hành lang pháp lý quy định. Nhà nước có chính sách hỗ trợ ban đầu có thời hạn cho các cơ sở công lập chuyển sang loại hình ngoài công lập; hỗ trợ khuyến khích các cơ sở ngoài công lập đăng ký hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận.

Các cơ sở ngoài công lập được tham gia bình đẳng trong việc nhận thầu các dịch vụ do nhà nước đặt hàng; thí điểm việc nhà nước cho các cơ sở ngoài công lập thuê dài hạn cơ sở hạ tầng.

Phổ biến rộng rãi dự báo phát triển mạng lưới các cơ sở, nhu cầu huy động nguồn lực thực hiện quy hoạch để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh cũng như đầu tư trực tiếp hoặc liên kết của nước ngoài.

5. Giải pháp về tổ chức:

Thành lập Ban Chỉ đạo xã hội hóa thể dục thể thao cấp tỉnh và cấp huyện theo cơ cấu:

- Trưởng ban do Phó chủ tịch UBND từng cấp đảm nhiệm
- Phó trưởng ban thường trực: - Giám đốc Sở Thể dục thể thao (BCĐ tỉnh)
- Trưởng Phòng VH TT-TT (BCĐ huyện)
- Ủy viên gồm đại diện các cơ quan: Nội vụ, Giáo dục-Đào tạo, Văn hóa thông tin, Đài Phát thanh-Truyền hình, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Công an, Quân sự, Tài chính, Kế hoạch-Đầu tư, Tài nguyên-Môi trường, Xây dựng, LĐTB và XH, Cục thuế. Mời đại diện Ủy ban Mặt trận và các tổ chức thành viên tham gia.

Ban Chỉ đạo xã hội hóa thể dục thể thao từng cấp xây dựng quy chế, kế hoạch làm việc cho từng giai đoạn đến năm 2010.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi các văn bản pháp quy của Trung ương về xã hội hoá được ban hành và có hiệu lực, nội dung của Đề án này sẽ được bổ sung hoàn thiện bằng các quy định cụ thể cho từng lĩnh vực. Những vấn đề thuộc Mục IV (*cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất*), Mục V (*giao đất, cho thuê đất*), Mục XIII (*quản lý nhà nước đối với cơ sở ngoài công lập*) Thông tư số 91/2006/TT-BTC ngày 02/10/2006 của Bộ Tài chính sẽ được báo cáo xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các sở, ngành liên quan tiến hành triển khai các công việc thuộc lĩnh vực ngành quản lý theo cơ chế:

1. Cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Đề án : Sở Thể dục thể thao.
2. Các cơ quan phối hợp thực hiện : Nội vụ, Tài chính-Vật giá, Cục Thuế, Kế hoạch-Đầu tư, Tài nguyên-Môi trường, Xây dựng, Văn hoá-Thông tin, Đài Phát thanh-Truyền hình, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ban chỉ đạo xã hội hoá thể dục thể thao cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách và điều hành các chương trình, kế hoạch trong quá trình tổ chức triển khai Đề án.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển xã hội hóa thể dục thể thao phù hợp với chính sách chung của nhà nước, với thẩm quyền được phân cấp và điều kiện đặc thù của mỗi địa bàn.

Định kỳ sơ tổng kết rút kinh nghiệm, kịp thời biểu dương những điển hình tiêu biểu về xã hội hóa thể dục thể thao; đồng thời, đề xuất kịp thời những vấn đề phát sinh cần được điều chỉnh bổ sung trong cơ chế chính sách.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tỉnh và các tổ chức thành viên cùng phối hợp để vận động và triển khai thực hiện có kết quả chủ trương xã hội hóa thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten signature*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Võ Thành Kỳ